

Số: 139/TB/ĐLS-HĐQT

Lam Sơn, ngày 28 tháng 09 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
- Ủy ban chứng khoán nhà nước

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

- Mã chứng khoán: LSS
- Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn – huyện Thọ Xuân – tỉnh Thanh Hoá
- Điện thoại liên hệ: 02378.99.66.67 Fax: 02373.834.092
- E-mail:

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần mía đường Lam Sơn công bố Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ và Hợp nhất niên độ tài chính từ 01/07/2022 đến 30/06/2023; Kèm giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh niên độ tài chính từ 01/07/2022 đến 30/06/2023 trước và sau kiểm toán; và so với cùng kỳ của Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty mẹ và hợp nhất.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/09/2023 tại đường dẫn: <http://www.lasuco.vn/>
<http://www.lasuco.com.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

1. Báo cáo tài chính kiểm toán công ty mẹ và hợp nhất niên độ tài chính từ 01/07/2022 đến 30/06/2023
2. Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trước và sau kiểm toán; và so với cùng kỳ năm trước

Người đại diện theo pháp luật
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Văn Tân

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 54

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 3 tháng 1 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường phen	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn Bá Thước	Thị trấn Cảnh Nài, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy Lavinafood	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch
Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên Thường trực
Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc

Miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là Ông Lê Văn Tân – Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Ông Lê Văn Phương đã được Ông Lê Văn Tân ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo theo Giấy Ủy quyền số 37 UQ/ĐLS – TCKT ngày 26 tháng 1 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

Số tham chiếu: 11536452/66923503- HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Công ty và các công ty con”) được lập ngày 28 tháng 9 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2023-004-1

Lê Minh Tùng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.117.223.342.223	991.422.243.191
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.1	16.661.585.645	47.752.263.524
111	1. Tiền		9.689.585.756	37.125.112.394
112	2. Các khoản tương đương tiền		6.971.999.889	10.627.151.130
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.2	9.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		9.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		324.684.025.467	292.654.642.079
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	155.816.185.384	163.532.861.082
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	137.122.800.261	129.324.542.268
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	66.643.678.806	32.610.817.343
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(34.898.638.984)	(32.813.578.614)
140	IV. Hàng tồn kho	8	759.829.691.042	640.740.569.057
141	1. Hàng tồn kho		763.837.948.553	646.571.170.219
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.008.257.511)	(5.830.601.162)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.048.040.069	10.274.768.531
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	4.479.760.208	5.006.758.720
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.048.178.401	5.256.549.235
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		520.101.460	11.460.576

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.424.838.936.096	1.567.066.676.169
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.802.830	8.524.980.610
216	1. Phải thu dài hạn khác		32.302.830	8.547.480.610
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(22.500.000)	(22.500.000)
220	II. Tài sản cố định		965.439.097.820	1.115.504.945.847
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	919.178.298.460	1.067.032.333.836
222	Nguyên giá		3.005.587.444.412	2.982.860.420.621
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.086.409.145.952)	(1.915.828.086.785)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	46.260.799.360	48.472.612.011
228	Nguyên giá		52.258.456.172	52.258.456.172
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.997.656.812)	(3.785.844.161)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		381.650.510.741	354.251.561.243
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	381.650.510.741	354.251.561.243
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	35.835.553.936	36.251.145.800
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		6.251.145.800	6.251.145.800
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(415.591.864)	-
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		30.000.000.000	30.000.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		41.903.970.769	52.534.042.669
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	40.506.907.445	49.112.664.544
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	1.397.063.324	3.421.378.125
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.542.062.278.319	2.558.488.919.360

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		689.484.000.758	923.045.994.647
310	i. Nợ ngắn hạn		830.164.499.328	847.763.640.635
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	79.897.011.378	106.474.188.037
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	32.098.997.430	17.711.753.768
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	15.420.219.997	26.360.414.585
314	4. Phải trả người lao động		11.994.502.594	21.597.656.649
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	14.235.656.062	51.456.259.609
3h19	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	15.788.475.720	37.497.162.513
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	651.871.052.871	582.451.382.208
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	8.858.583.276	4.214.823.266
330	ii. Nợ dài hạn		59.319.501.430	75.282.354.012
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	30.230.000.000	40.344.946.150
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	2.735.000.000	6.335.000.000
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	20	26.354.501.430	28.602.407.862
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.652.578.277.561	1.635.442.924.713
410	i. Vốn chủ sở hữu	21	1.632.189.935.025	1.606.316.692.450
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		745.479.930.000	700.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		745.479.930.000	700.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		191.455.332.801	191.455.332.801
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		599.425.354.251	595.170.023.237
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		67.604.105.400	91.991.983.572
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		38.000.719.419	47.492.699.126
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		29.603.385.981	44.499.284.446
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		28.225.212.573	27.699.352.840
430	ii. Nguồn kinh phí và quỹ khác		20.388.342.536	29.126.232.263
431	1. Nguồn kinh phí	22.1	-	4.828.535.477
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	22.2	20.388.342.536	24.297.696.786
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.542.062.278.319	2.558.488.919.360



Người lập
Nguyễn Thị Tú



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.807.631.439.670	2.041.008.108.004
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 – 02]	24.1	1.807.631.439.670	2.041.008.108.004
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	1.627.320.447.729	1.829.966.210.604
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 – 11]		180.310.991.941	211.041.897.400
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	5.542.553.819	5.550.601.029
22 23	7. Chi phí tài chính - Trong đó: Chi phí lãi vay	26	30.739.337.749 25.380.965.823	28.535.185.676 20.419.449.379
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	27	55.601.702.783	73.643.064.962
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	61.275.439.217	60.778.882.673
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 – 22 + 24 – 25 – 26]		38.237.066.011	53.635.365.118
31	12. Thu nhập khác	28	2.793.589.639	50.300.054
32	13. Chi phí khác	28	1.287.673.307	3.747.194.412
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác [40 = 31 – 32]	28	1.505.916.332	(3.696.894.358)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

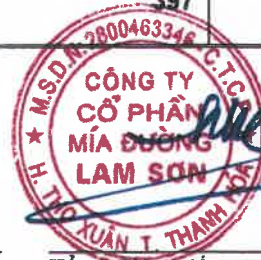
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		39.742.982.343	49.938.470.760
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	7.589.421.828	8.565.155.042
52	17. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	30.3	2.024.314.801	(3.299.340.589)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		30.129.245.714	44.672.656.307
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	21.1	29.603.385.981	44.499.284.446
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21.1	525.859.733	173.371.861
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	397	551
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	397	551



Người lập
Nguyễn Thị Tú



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		39.742.982.343	49.938.470.760
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		173.272.143.813	172.086.010.598
03	Các khoản dự phòng		678.308.583	2.855.431.718
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		91.560.368	113.888.487
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.707.961.245)	(2.408.916.457)
06	Chi phí lãi vay	26	25.380.965.823	20.419.449.379
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		233.457.999.685	243.004.334.485
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(21.889.241.390)	53.663.194.820
10	Tăng hàng tồn kho		(117.266.778.334)	(143.076.477.190)
11	Giảm các khoản phải trả		(89.677.584.328)	(89.582.465.554)
12	Giảm chi phí trả trước		9.555.307.991	10.334.922.864
14	Tiền lãi vay đã trả		(26.483.255.400)	(19.267.534.820)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.2	(8.458.998.396)	(5.474.432.867)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.400.000.000	23.588.705.239
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(16.795.052.631)	(16.914.375.999)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(35.157.602.803)	56.275.870.978
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(57.969.031.951)	(120.953.412.732)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		5.411.018.776	100.297.571
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.000.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.137.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia		3.503.368.863	3.085.156.928
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(58.054.644.312)	(113.630.958.233)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, tái phát hành cổ phiếu quỹ		-	35.041.706.517
33	Tiền thu từ đi vay		1.306.239.291.715	1.295.813.335.644
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.244.019.621.052)	(1.259.509.054.716)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả		(6.541.044)	(3.414.280)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		62.213.129.619	71.342.573.165
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(30.999.117.496)	13.987.485.910
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		47.752.263.524	33.955.889.537
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(91.560.383)	(191.111.923)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	16.661.585.645	47.752.263.524



Người lập
Nguyễn Thị Tú



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương

Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 056673 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23 tháng 12 năm 1999. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 3 tháng 1 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất đường;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất;
- ▶ Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- ▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- ▶ Kinh doanh vận tải hàng hóa, gia công cơ khí, sửa chữa máy móc, thiết bị và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp;
- ▶ Sản xuất, chế biến, kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam và các đơn vị trực thuộc sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Văn phòng Công ty Chi nhánh Công ty tại Hà Nội	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa Số 16A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Nhà máy đường số 2	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy đường phen	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy gạch Tuynel Lam Sơn	Thị trấn Cành Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa
Bá Thước	
Xí nghiệp Nguyên liệu	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa
Nhà máy Lavinafood	Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là: 1.134 (ngày 30 tháng 6 năm 2022: 1.296).

Tính chất mùa vụ đối với hoạt động sản xuất của Công ty và các công ty con

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp, trong đó chủ yếu là các sản phẩm từ đường. Doanh thu các sản phẩm từ đường chiếm tỷ trọng khoảng 86% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Sản xuất đường có tính mùa vụ theo thời gian của mùa vụ trồng và thu hoạch mía, thường diễn ra trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 3. Theo đó, các chi phí sản xuất chính liên quan trực tiếp đến sản phẩm đường của Công ty và các công ty con thường phát sinh trong giai đoạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có 7 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn (*)	43,59%	90%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất phân bón, kinh doanh dịch vụ vận tải, san lấp mặt bằng, kinh doanh các dịch vụ nông nghiệp
2	Công ty TNHH Lam Sơn Sao Vàng	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt và chăn nuôi
3	Công ty TNHH Thực phẩm Công nghệ cao Tâm Phú Hưng	100%	100%	Huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, chăn nuôi, kinh doanh sản phẩm từ trồng trọt, chăn nuôi
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn Bá Thước (**)	100%	100%	Huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp
5	Công ty TNHH Một thành viên Thành An – Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
6	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao mía đường Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Trồng trọt, nghiên cứu và chế biến các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao
7	Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Lam Sơn	100%	100%	Huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Kinh doanh, xuất nhập khẩu đường, các sản phẩm sau đường và các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao

(*) Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại công ty con này là 43,59%. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty tiếp tục nắm giữ đa số thành viên trong Hội đồng Quản trị của công ty con này và theo đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty vẫn giữ quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn và tiếp tục ghi nhận khoản đầu tư vào công ty này là khoản đầu tư vào công ty con.

(**) Công ty con này đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục cần thiết để chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty trách nhiệm hữu hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 7 năm nay và kết thúc ngày 30 tháng 6 của năm tiếp theo.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận lũy kế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá gốc thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản và được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính như sau:

- ▶ Đối với các tài sản liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất mía đường, Công ty và các công ty con trích chi phí khấu hao theo phương pháp đường thẳng cho tất cả các tháng trong năm tài chính, ghi nhận vào Chi phí trả trước ngắn hạn và phân bổ đều vào chi phí sản xuất kinh doanh của các tháng mà nhà máy đường hoạt động, thông thường từ tháng 1 đến tháng 3 và tháng 11, tháng 12 của năm tài chính; và
- ▶ Đối với các tài sản phục vụ cho hoạt động quản lý chung và các hoạt động kinh doanh khác, Công ty và các công ty con trích lập và ghi nhận chi phí khấu hao/hao mòn đều cho các tháng trong năm tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản được Công ty và các công ty con áp dụng như sau:

Quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao
Quyền sử dụng đất có thời hạn	20 - 50 năm
Phần mềm máy tính	5 - 8 năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây xanh lâu năm	8 - 23 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và các công ty con. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất với thời hạn từ 30 đến 35 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Thông thường, Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cần trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Công ty và của các công ty con phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016 và Thông tư 67/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 11 năm 2022. Số tiền trích quỹ hàng năm được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.17 Nguồn kinh phí sự nghiệp

Nguồn kinh phí sự nghiệp là các khoản kinh phí được cấp bởi Ngân sách Nhà nước và được phê duyệt bởi các cơ quan quản lý nhà nước để thực hiện các dự án, chương trình mục tiêu không vì mục đích lợi nhuận.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về đường và các loại sản phẩm nông nghiệp khác. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty và các công ty con sản xuất ra hoặc do Công ty và các công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

3.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	623.559.292	529.682.154
Tiền gửi ngân hàng	9.066.026.464	36.595.430.240
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (*)	6.971.999.889	10.627.151.130
TỔNG CỘNG	<u>16.661.585.645</u>	<u>47.752.263.524</u>

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND tại các ngân hàng thương mại, có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng, hưởng lãi suất từ 3%/năm – 5,5%/năm (tại ngày 30 tháng 6 năm 2022: 2,6%/năm - 3,9%/năm).

4.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đây là khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn 6 tháng, hưởng lãi suất là 8,7%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

G5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	152.894.582.384	154.198.074.082
<i>Công ty TNHH Nước giải khát Suntory</i>		
<i>Pepsico Việt Nam</i>	81.406.080.000	57.735.650.700
<i>Công ty TNHH Czarnikow</i>	-	15.218.661.244
<i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	71.488.502.384	81.243.762.138
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	2.921.603.000	9.334.787.000
TỔNG CỘNG	155.816.185.384	163.532.861.082
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi (Thuyết minh số 7)	(18.418.855.541)	(16.551.595.171)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	133.477.453.179	121.544.944.054
<i>Trả trước tiền mua nguyên vật liệu cho hợp</i> <i>tác xã và hộ nông dân</i>	117.103.992.799	94.532.527.433
<i>Czarnikow Group Limited</i>	-	5.101.716.712
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	16.373.460.380	21.910.699.909
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	3.645.347.082	7.779.598.214
TỔNG CỘNG	137.122.800.261	129.324.542.268
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)	(6.900.205.526)	(6.900.205.526)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Chi hộ tiền hỗ trợ phân bón cho Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	42.899.988.575	-	-	-
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	8.719.445.279	(726.000.000)	9.069.156.847	(508.200.000)
Các khoản cho vay không lãi suất	8.504.060.306	(8.504.060.306)	8.504.060.306	(8.504.060.306)
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	857.765.929	-	795.297.600	-
Phải thu lãi dự thu	1.523.874.243	-	1.193.116.439	-
Phải thu khác	4.138.544.474	(349.517.611)	13.049.186.151	(349.517.611)
TỔNG CỘNG	66.643.678.806	(9.579.577.917)	32.610.817.343	(9.361.777.917)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	13.942.823.946	-	22.169.816.312	-
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	52.700.854.860	-	10.441.001.031	-

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	32.813.578.614	30.434.739.776
Dự phòng trích lập trong năm	2.280.801.000	2.653.251.838
Hoàn nhập trong năm	(195.740.630)	(274.413.000)
Số cuối năm	<u>34.898.638.984</u>	<u>32.813.578.614</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)</i>	18.418.855.541	16.551.595.171
<i>Dự phòng trả trước người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</i>	6.900.205.526	6.900.205.526
<i>Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)</i>	9.579.577.917	9.361.777.917

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Thành phẩm	640.377.491.697	(2.492.320.666)	479.379.431.632	(4.292.682.947)
Nguyên liệu, vật liệu	42.853.233.124	(1.515.936.845)	62.154.653.098	(1.537.918.215)
Hàng hóa	42.562.799.888	-	75.700.076.948	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	36.052.628.136	-	19.201.256.662	-
Công cụ, dụng cụ	1.991.795.708	-	2.020.062.728	-
Hàng mua đang đi đường	-	-	8.115.689.151	-
TỔNG CỘNG	<u>763.837.948.553</u>	<u>(4.008.257.511)</u>	<u>646.571.170.219</u>	<u>(5.830.601.162)</u>

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	5.830.601.162	5.354.008.282
Dự phòng trích lập trong năm	997.824.189	2.009.788.542
Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(2.820.167.840)</u>	<u>(1.533.195.662)</u>
Số cuối năm	<u>4.008.257.511</u>	<u>5.830.601.162</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:						
Số đầu năm	769.117.589.120	2.111.528.601.313	68.568.079.835	22.061.883.989	11.584.266.364	2.982.860.420.621
- Mua trong năm	2.065.328.022	5.184.916.888	4.472.680.000	-	-	11.722.924.910
- Đầu tư XDCB hoàn thành	9.871.643.335	11.726.076.039	-	37.406.339	-	21.635.125.713
- Thanh lý, nhượng bán	-	(5.223.981.378)	(5.371.845.454)	(35.200.000)	-	(10.631.026.832)
- Phân loại lại	574.374.268	(574.374.268)	-	-	-	-
Số cuối năm	781.628.934.745	2.122.641.238.594	67.668.914.381	22.064.090.328	11.584.266.364	3.005.587.444.412
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	141.978.819.633	404.314.152.639	43.754.096.750	20.136.305.029	601.540.000	610.784.914.051
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số đầu năm	339.985.243.901	1.495.024.962.001	56.018.136.028	21.381.458.243	3.418.286.612	1.915.828.086.785
- Khấu hao trong năm	32.806.990.421	141.272.672.917	2.711.484.075	208.928.217	674.826.171	177.674.901.801
- Thanh lý, nhượng bán	-	(4.151.317.354)	(2.907.325.280)	(35.200.000)	-	(7.093.842.634)
- Phân loại lại	37.776.503	(37.776.503)	-	-	-	-
Số cuối năm	372.830.010.825	1.632.108.541.061	55.822.294.823	21.555.186.460	4.093.112.783	2.086.409.145.952
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	429.132.345.219	616.503.639.312	12.549.943.807	680.425.746	8.165.979.752	1.067.032.333.836
Số cuối năm	408.798.923.920	490.532.697.533	11.846.619.558	508.903.868	7.491.153.581	919.178.298.460

Công ty và các công ty con đã sử dụng bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội, một phần dây chuyền máy móc, thiết bị của Nhà máy đường số 2 và một số máy móc, thiết bị khác làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc Nhà máy gạch Lam Sơn Sao Vàng và Nhà máy gạch Lam Sơn Bá Thuộc với giá trị còn lại là 15,9 tỷ VND đang được sử dụng để cho bên thứ ba thuê sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Quyền sử dụng đất có thời hạn</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	19.037.780.000	17.884.204.980	15.336.471.192	52.258.456.172
Số cuối năm	19.037.780.000	17.884.204.980	15.336.471.192	52.258.456.172
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	-	2.798.419.586	987.424.575	3.785.844.161
Hao mòn trong năm	-	286.787.981	1.925.024.670	2.211.812.651
Số cuối năm	-	3.085.207.567	2.912.449.245	5.997.656.812
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	19.037.780.000	15.085.785.394	14.349.046.617	48.472.612.011
Số cuối năm	19.037.780.000	14.798.997.413	12.424.021.947	46.260.799.360

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Công viên Sinh thái Thanh Tam	267.825.331.456	238.873.841.363
Dự án nước mía cô đặc	47.186.522.063	47.135.141.925
Dự án Trung tâm Công nghệ cao Lam Sơn (*)	31.564.788.809	30.366.333.204
Dự án Trung tâm Chế biến Nông sản Công nghệ cao Lam Sơn	-	13.392.162.207
Chi phí giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy sấy và xay xát lúa gạo	18.365.299.319	9.338.723.758
Dự án xây dựng vườn cam công nghệ cao	8.207.791.794	5.827.335.704
Các dự án khác	8.500.777.300	9.318.023.082
TỔNG CỘNG	381.650.510.741	354.251.561.243

(*) Chủ yếu bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng dự án Trung tâm Nông nghiệp Công nghệ cao Lam Sơn. Công ty và các công ty con đã hoàn thiện các hồ sơ liên quan và đang chờ các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, quyết toán.

Trong năm, Công ty và các công ty con đã vốn hóa chi phí lãi vay với tổng giá trị là 20,7 tỷ VND liên quan đến các dự án xây dựng cơ bản dở dang (năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 15 tỷ VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

		<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên kết	12.1	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.2	5.835.553.936	6.251.145.800
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12.3	30.000.000.000	30.000.000.000
TỔNG CỘNG		<u>35.835.553.936</u>	<u>36.251.145.800</u>

12.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Giá gốc khoản đầu tư	21.500.000.000	21.500.000.000
Lỗ lũy kế thuộc sở hữu của Công ty sau ngày đầu tư	<u>(21.500.000.000)</u>	<u>(21.500.000.000)</u>
Giá trị khoản đầu tư theo Phương pháp vốn chủ sở hữu	<u>-</u>	<u>-</u>

	<u><i>Số cuối năm</i></u>		<u><i>Số đầu năm</i></u>	
	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Số cổ phiếu</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Số cổ phiếu</i>
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển	38,39%	2.150.000	38,39%	2.150.000

Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đầu tư số 012032000254 do Ban Quản lý Các khu Công nghiệp và Chế xuất Hà Nội cấp vào ngày 20 tháng 9 năm 2007. Công ty này có trụ sở chính tại Lô CN-B3, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thụy Điển là sản xuất, pha chế và kinh doanh các sản phẩm rượu, đồ uống. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty nắm 38,39% phần vốn chủ sở hữu trong công ty liên kết này và công ty này đang tạm dừng hoạt động.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

12.2 Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND	
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Tổng Công ty Mía đường I	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800	292.885	2.974.645.800	-	2.974.645.800
Công ty Cổ phần Thương mại Lam Hà	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000	227.650	2.276.500.000	-	2.276.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Lam Sơn – Như Xuân	100.000	1.000.000.000	(415.591.864)	584.408.136	100.000	1.000.000.000	-	1.000.000.000
TỔNG CỘNG		6.251.145.800	(415.591.864)	5.835.553.936		6.251.145.800	-	6.251.145.800

Công ty chưa thu thập được các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty nêu trên do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

12.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với kỳ hạn 10 năm và đáo hạn vào ngày 29 tháng 10 năm 2029. Lãi suất của trái phiếu này được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,2%/năm và được thanh toán hàng năm. Công ty đã sử dụng khoản trái phiếu này làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 18.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.283.941.728	1.511.814.955
Chi phí khác	2.195.818.480	3.494.943.765
TỔNG CỘNG	4.479.760.208	5.006.758.720
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	37.612.219.603	38.850.977.237
Chi phí phát triển giống mía	-	5.598.639.788
Công cụ, dụng cụ	1.711.063.241	2.580.315.276
Chi phí khác	1.183.624.601	2.082.732.243
TỔNG CỘNG	40.506.907.445	49.112.664.544

14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Phân bón Nhật Long	19.454.277.327	19.454.277.327	16.784.894.228	16.784.894.228
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh	13.294.591.800	13.294.591.800	20.048.757.400	20.048.757.400
Guangxi Nanning Qiaolong International Trading	8.507.301.864	8.507.301.864	8.421.936.465	8.421.936.465
Guangxi Laibin Pinguan Trade Group Co., Ltd	6.312.578.510	6.312.578.510	6.820.404.175	6.820.404.175
SIG Combibloc	-	-	1.792.363.884	1.792.363.884
Công ty Cổ phần Vận tải Lam sơn	-	-	19.235.500.351	19.235.500.351
Phải trả người bán ngắn hạn khác	32.328.261.877	32.328.261.877	33.370.331.534	33.370.331.534
TỔNG CỘNG	79.897.011.378	79.897.011.378	106.474.188.037	106.474.188.037

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Phương Bắc BN	10.204.318.000	-
Công ty TNHH Toàn Lộc	9.758.548.009	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	12.136.131.421	17.705.820.592
Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 31)	-	5.933.176
TỔNG CỘNG	32.098.997.430	17.711.753.768

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp/bù trừ trong năm	Số đã nộp/cán trừ trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	18.017.948.306	85.315.682.519	(95.995.376.629)	7.338.254.196
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.300.541.558	7.589.421.828	(8.458.998.396)	7.430.964.990
Thuế xuất, nhập khẩu	-	3.410.896.468	(3.410.896.468)	-
Thuế thu nhập cá nhân	(218.108.285)	2.274.743.311	(2.080.635.389)	(24.000.363)
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	162.831.400	12.195.962.813	(12.190.286.727)	168.507.486
Các khoản phí, lệ phí và thuế khác	97.201.606	951.775.455	(542.483.373)	506.493.688
TỔNG CỘNG	26.360.414.585	111.738.482.394	(122.678.676.982)	15.420.219.997

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng bán hàng	9.020.000.000	9.812.385.950
Chi phí lãi vay phải trả	907.153.281	2.009.442.858
Chi phí mua vật tư, nguyên liệu	155.355.000	1.177.673.000
Chi phí phải trả liên quan đến nhập khẩu đường thô	-	33.300.722.000
Chi phí vận chuyển mía	-	596.458.754
Các khoản chi phí phải trả khác	4.153.147.781	4.559.577.047
TỔNG CỘNG	14.235.656.062	51.456.259.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Phải trả tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	-	18.700.000.000
Quỹ dự phòng thiên tai, rủi ro	5.705.059.783	5.799.908.383
Phải trả cổ tức	2.376.086.671	2.381.955.590
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, kinh phí công đoàn	1.872.999.015	1.962.068.646
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.834.330.251	8.653.229.894
	<u>15.788.475.720</u>	<u>37.497.162.513</u>
Dài hạn		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	28.700.000.000	28.700.000.000
Phải trả tiền thưởng do vượt kế hoạch về lợi nhuận (*)	-	9.954.946.150
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.530.000.000	1.690.000.000
	<u>30.230.000.000</u>	<u>40.344.946.150</u>
TỔNG CỘNG	<u>46.018.475.720</u>	<u>77.842.108.663</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	46.018.475.720	67.887.162.513
<i>Phải trả dài hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	-	9.954.946.150

(*) Công ty đã thực hiện phân loại số dư Quỹ Khen thưởng sang tài khoản Phải trả dài hạn khác căn cứ theo Kế hoạch sử dụng Quỹ Khen thưởng được Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt.

(**) Số dư đầu năm bao gồm các phải trả tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận các năm 2011, 2015 và 2016 cho các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty và được kết chuyển sang nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi để chi trả trong năm và năm tiếp theo căn cứ theo Quyết định số 154/QĐ/ĐLS-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	568.951.382.208	568.951.382.208	1.295.739.291.715	(1.226.919.621.052)	637.771.052.871	637.771.052.871
Vay bên liên quan	13.500.000.000	13.500.000.000	10.500.000.000	(13.500.000.000)	10.500.000.000	10.500.000.000
Vay ngắn hạn đối tượng khác	-	-	3.600.000.000	-	3.600.000.000	3.600.000.000
	582.451.382.208	582.451.382.208	1.309.839.291.715	(1.240.419.621.052)	651.871.052.871	651.871.052.871
Vay dài hạn						
Vay đối tượng khác	6.335.000.000	6.335.000.000	-	(3.600.000.000)	2.735.000.000	2.735.000.000
	6.335.000.000	6.335.000.000	-	(3.600.000.000)	2.735.000.000	2.735.000.000
	588.786.382.208	588.786.382.208	1.309.839.291.715	(1.244.019.621.052)	654.606.052.871	654.606.052.871
TỔNG CỘNG						

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (*)	250.171.043.410	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 9 tháng, với kế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	7,2%-9%	Một số máy móc, thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2, bất động sản tại Mai Dịch, Hà Nội và trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với tổng mệnh giá là 30 tỷ đồng. 1 Xe ô tô TOYOTA Land Cruiser.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thanh Hóa	124.274.460.035	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 25 tháng 11 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	8,5%-9%	Một số máy móc thiết bị thuộc Nhà máy đường số 2.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam (*)	90.398.727.355	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	9,65%-11,7%	Dây chuyền thiết bị sản xuất sữa gạo lứt và hệ thống chiết rót đóng hộp.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thanh Hóa (*)	97.929.822.071	Kỳ hạn vay cho mỗi kế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với kế ước cuối cùng đáo hạn vào ngày 24 tháng 11 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	10,7%-12,4%	Cổ phiếu của Công ty do một số cổ đông nắm giữ để đảm bảo nghĩa vụ tín dụng tối đa 100 tỷ VND và vay tín chấp với hạn mức tối đa 50 tỷ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.1 Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm (VNĐ)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	30.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đảo hạn vào ngày 12 tháng 12 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	9,5%-10,25%	Máy ép thuộc Nhà máy nước mía định dưỡng tế bào.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - Chi nhánh Thanh Hóa (*)	20.000.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đảo hạn vào ngày 27 tháng 8 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	11,2%	Hợp đồng tiền gửi và quyền đòi nợ.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng	24.997.000.000	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ không quá 6 tháng, với khế ước cuối cùng đảo hạn vào ngày 12 tháng 11 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	7,5%	Tín chấp.

TỔNG CỘNG **637.771.052.871**

(*) Đây là các khoản vay được hưởng mức hỗ trợ lãi suất 2%/năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2022 theo nghị định số 31/2022/NĐ-CP. Mức lãi suất trên chưa bao gồm khoản hỗ trợ lãi suất này.

Công ty Cổ phần Mía Đường Lam Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Các khoản vay ngắn hạn đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ đối tượng khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi Gốc vay đáo hạn vào ngày 30 tháng 12 năm 2023. Lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng.	Lãi suất/năm 5%-7%	Hình thức đảm bảo Tin chấp.
Công đoàn Công ty Cổ phần Mía Đường Lam Sơn	2.600.000.000			
Quỹ khuyến học Mía Đường Lam Sơn	1.000.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2023. Lãi vay được thanh toán tại thời điểm đáo hạn hợp đồng.	5,5%	Tin chấp.

TỔNG CỘNG

3.600.000.000

18.3 Các khoản vay dài hạn từ đối tượng khác

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ đối tượng khác được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Công đoàn Công ty Cổ phần Mía Đường Lam Sơn	2.000.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 1 tháng 1 năm 2026. Lãi vay được thanh toán định kỳ hàng năm theo quy định tại hợp đồng.	5%-7%	Tin chấp.
Ông Lê Xuân Bách	735.000.000	Gốc vay đáo hạn vào ngày 26 tháng 5 năm 2025. Lãi và gốc vay được thanh toán khi đáo hạn	Lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng.	Tin chấp.

TỔNG CỘNG

2.735.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	4.214.823.266	3.161.006.587
Trích lập quỹ trong năm (<i>Thuyết minh số 21.1</i>)	4.255.331.014	2.555.920.437
Tăng quỹ từ tiền thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận (<i>Thuyết minh số 17</i>)	9.954.946.150	-
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(9.566.517.154)</u>	<u>(1.502.103.758)</u>
Số cuối năm	<u>8.858.583.276</u>	<u>4.214.823.266</u>

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	28.602.407.862	30.850.314.294
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(2.247.906.432)</u>	<u>(2.247.906.432)</u>
Số cuối năm	<u>26.354.501.430</u>	<u>28.602.407.862</u>

Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Đơn vị tính: VND
Năm trước							
Số đầu năm	700.000.000.000	181.855.673.009	(25.442.046.725)	592.614.102.800	52.619.254.839	27.525.980.979	1.529.172.964.902
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	44.499.284.446	173.371.861	44.672.656.307
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.555.920.437	(2.555.920.437)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.555.920.437)	-	(2.555.920.437)
- Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	9.599.659.792	25.442.046.725	-	-	-	35.041.706.517
- Công ty con tăng vốn	-	-	-	-	(14.714.839)	-	(14.714.839)
Số cuối năm	700.000.000.000	191.455.332.801	-	595.170.023.237	91.991.983.572	27.699.352.840	1.606.316.692.450
Năm nay							
Số đầu năm	700.000.000.000	191.455.332.801	-	595.170.023.237	91.991.983.572	27.699.352.840	1.606.316.692.450
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	29.603.385.981	525.859.733	30.129.245.714
- Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	4.255.331.014	(4.255.331.014)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	(4.255.331.014)	-	(4.255.331.014)
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu (**)	45.479.930.000	-	-	-	(45.479.930.000)	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	(672.125)	-	(672.125)
Số cuối năm	745.479.930.000	191.455.332.801	-	599.425.354.251	67.604.105.400	28.225.212.573	1.632.189.935.025

(*) Công ty trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 338NQ/2022/ĐLS-ĐHĐCĐ của Công ty ngày 11 tháng 11 năm 2022.

(**) Công ty cũng đã thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 338NQ/2022/ĐLS-ĐHĐCĐ của Công ty ngày 11 tháng 11 năm 2022 và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty.

Cũng theo Nghị quyết số 338, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án chào bán thêm 30 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để thực hiện phương án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty chưa thực hiện phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 338.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	745.479.930.000	745.479.930.000	-	700.000.000.000	700.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	191.455.332.801	191.455.332.801	-	191.455.332.801	191.455.332.801	-
TỔNG CỘNG	936.935.262.801	936.935.262.801	-	891.455.332.801	891.455.332.801	-

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm	700.000.000.000	700.000.000.000
Tăng vốn trong năm	45.479.930.000	-
Số cuối năm	745.479.930.000	700.000.000.000
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố và chi trả	(45.479.930.000)	-
Cổ tức đã trả bằng tiền trong năm	(6.541.044)	(3.414.280)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (năm trước: 10.000 VND).

21.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	74.547.993	70.000.000
Cổ phiếu đã phát hành	74.547.993	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	74.547.993	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	74.547.993	70.000.000
Cổ phiếu phổ thông	74.547.993	70.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. NGUỒN KINH PHÍ VÀ QUỸ KHÁC

22.1 Nguồn kinh phí

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.828.535.477	2.951.551.359
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	2.400.000.000	18.053.705.239
Chi trong năm	(7.228.535.477)	(16.176.721.121)
Số cuối năm	-	4.828.535.477

22.2 Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	24.297.696.786	21.370.565.970
Tăng trong năm	-	6.299.448.882
Sử dụng trong năm	(3.909.354.250)	(3.372.318.066)
Số cuối năm	20.388.342.536	24.297.696.786

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (VND) (*)	135.685.110.000	132.674.369.250
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 31)</i>	37.943.950.000	81.621.000.000
<i>Vật tư, hàng hóa giữ hộ bên khác</i>	97.741.160.000	51.053.369.250
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	113.201	404.804
- Euro (EUR)	116	116

(*) Hàng hóa nhận giữ hộ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là giá trị của 7.057 tấn đường được Công ty xuất bán cho khách hàng là các đối tác kinh doanh thương mại (bao gồm các bên liên quan) và đang được gửi tại kho của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, toàn bộ số hàng gửi kho đã được bàn giao cho các đối tác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	1.807.631.439.670	2.041.008.108.004
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	1.358.409.687.609	1.432.674.944.693
Doanh thu bán hàng hóa	429.054.695.305	576.192.110.970
Doanh thu bán cung cấp dịch vụ	20.167.056.756	32.141.052.341
Doanh thu thuần	1.807.631.439.670	2.041.008.108.004
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	158.800.857.142	164.405.904.770
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên khác	1.648.830.582.528	1.876.602.203.234

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay, trái phiếu	3.834.126.667	2.472.797.805
Doanh thu từ hoạt động tài chính khác	1.708.427.152	3.077.803.224
TỔNG CỘNG	5.542.553.819	5.550.601.029

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.185.704.406.287	1.280.399.282.937
Giá vốn của hàng hóa đã bán	428.648.696.667	519.346.621.419
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.789.688.426	29.743.713.368
(Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.822.343.651)	476.592.880
TỔNG CỘNG	1.627.320.447.729	1.829.966.210.604

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền vay	25.380.965.823	20.419.449.379
Chiết khấu thanh toán, chi phí lãi trả chậm	2.661.629.933	5.456.188.452
Chi phí tài chính khác	2.696.741.993	2.659.547.845
TỔNG CỘNG	<u>30.739.337.749</u>	<u>28.535.185.676</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh		
Chi phí nhân công	19.820.096.464	20.399.722.728
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.138.126.886	3.497.309.705
Chi phí vận chuyển	9.989.086.528	11.971.201.647
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.462.019.768	21.786.448.677
Chi phí khác	14.192.373.137	15.988.382.205
TỔNG CỘNG	<u>55.601.702.783</u>	<u>73.643.064.962</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh		
Chi phí nhân công	26.257.333.606	29.841.544.892
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10.591.281.737	7.841.651.313
Chi phí dự phòng	2.085.060.370	2.378.838.838
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.286.431.085	10.049.350.986
Chi phí khác	12.055.332.419	10.667.496.644
TỔNG CỘNG	<u>61.275.439.217</u>	<u>60.778.882.673</u>

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	2.793.589.639	50.300.054
Thu thanh lý tài sản	1.873.834.578	-
Thu nhập khác	919.755.061	50.300.054
Chi phí khác	1.287.673.307	3.747.194.412
Chi phí khấu hao tài sản cố định tạm dừng sản xuất	223.834.443	223.834.441
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	-	130.655.145
Chi phí khác	1.063.838.864	3.392.704.826
LỢI NHUẬN/(LỖ) THUẦN KHÁC	<u>1.505.916.332</u>	<u>(3.696.894.358)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.166.846.765.575	1.230.594.783.739
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	173.048.309.370	171.928.456.518
Chi phí nhân công	95.317.303.167	101.675.257.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.119.003.148	33.411.809.639
Chi phí khác	40.066.943.341	42.739.530.454
TỔNG CỘNG	<u>1.493.398.324.601</u>	<u>1.580.349.837.852</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty và các công ty con là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế, ngoại trừ các đơn vị dưới đây:

- ▶ Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn áp dụng thuế suất thuế TNDN là 15% đối với thu nhập từ hoạt động chế biến đường và các phụ phẩm của đường từ cây mía tại địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 trở đi; và
- ▶ Xí nghiệp Cơ giới, một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty được miễn thuế TNDN đối với hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật phục vụ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.159.395.704	8.565.155.042
Thuế TNDN tính thiếu các năm trước theo kết luận của biên bản thanh tra thuế	430.026.124	-
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	<u>2.024.314.801</u>	<u>(3.299.340.589)</u>
TỔNG CỘNG	<u>9.613.736.629</u>	<u>5.265.814.453</u>

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận thuần trước thuế	39.742.982.343	49.938.470.760
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh</i>		
Chi phí khấu hao TSCĐ tạm dừng dưới 12 tháng	8.046.752.797	-
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	1.867.271.580	4.774.158.663
Điều chỉnh cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính	(7.899.401.682)	(15.314.668.561)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	41.757.605.038	39.397.960.862
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(429.761.876)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm hiện hành	41.757.605.038	38.968.198.986
<i>Thu nhập chịu thuế suất 20%</i>	<i>3.889.292.870</i>	<i>2.247.646.563</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 15%</i>	<i>38.603.064.388</i>	<i>54.104.171.530</i>
<i>Lỗ của các công ty con (*)</i>	<i>(734.752.220)</i>	<i>(17.383.619.107)</i>
Thuế TNDN phải trả ước tính trong năm hiện hành	7.159.395.704	8.565.155.042
Thuế TNDN phải trả đầu năm	8.300.541.558	5.195.318.292
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp năm trước	430.026.124	14.501.091
Thuế TNDN đã trả trong năm	(8.458.998.396)	(5.474.432.867)
Thuế TNDN phải trả cuối năm <i>(Thuyết minh số 15)</i>	7.430.964.990	8.300.541.558

(*) Công ty và các công ty con không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ này do không thể dự tính được chắc chắn lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ được cần trừ khi hợp nhất	1.275.025.788	3.299.340.589	(2.024.314.801)	3.299.340.589
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	122.037.536	122.037.536	-	-
	1.397.063.324	3.421.378.125		
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			(2.024.314.801)	3.299.340.589

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có ảnh hưởng đáng kể và/hoặc có giao dịch với Công ty và các công ty con trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần BrainMark	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Tân Thành Đạt	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT
Ông Lê Văn Tam	Người có liên quan đến Chủ tịch HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát của Công ty trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên thường trực HĐQT
Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT
Ông Lê Huy Hùng	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Bá Chiêu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 20 tháng 9 năm 2022)
Bà Đỗ Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng – Trưởng phòng Tài chính Kế toán

Những giao dịch trọng yếu của Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông	Bán đường, mặt rỉ	100.211.904.762	68.239.695.244
		Bán thành phẩm	58.588.952.380	96.166.209.526
		Mua hàng hóa	21.024.761.907	138.732.380.957
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Công (bên liên quan đến ngày 1 tháng 7 năm 2022)	Công ty liên quan đến thành viên	Mua nguyên vật liệu	-	5.752.273.008
Công ty Cổ phần BrainMark	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT	Chi phí nghiên cứu thị trường	-	1.441.227.397
Hiệp hội Mía đường Lam Sơn	Cổ đông lớn	Chi hỗ tiền hỗ trợ phân bón	42.899.988.575	-
		Chi phí hiệp hội	1.629.021.872	1.018.848.160
Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	Đi vay	10.500.000.000	16.000.000.000
		Trả nợ gốc vay	13.500.000.000	2.500.000.000
		Chi phí lãi vay	456.652.778	367.737.500
Ông Lê Văn Tam	Người có liên quan đến Chủ tịch HĐQT	Chi phí tư vấn	1.141.718.385	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi từ các bên liên quan với số tiền là: 12.307.663.306 VND (ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 12.307.663.306 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng	2.921.603.000	2.921.603.000
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống (bên liên quan đến ngày 1 tháng 07 năm 2022)	Bên liên quan khác	Phải thu bán hàng	-	6.413.184.000
TỔNG CỘNG			2.921.603.000	9.334.787.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)				
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đồng	Ứng tiền chi phí hiệp hội	2.763.347.082	1.134.325.210
Công ty Cổ phần Mía đường Nông Cống (bên liên quan đến ngày 1 tháng 7 năm 2022)	Công ty liên quan đến thành viên HĐQT	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	-	5.752.273.008
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	882.000.000	882.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đồng	Tạm ứng tiền mua hàng hóa	-	10.999.996
TỔNG CỘNG			3.645.347.082	7.779.598.214
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)				
Hiệp hội mía đường Lam Sơn	Cổ đồng	Chi hộ tiền hỗ trợ phân bón (*)	42.899.988.575	-
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam – Thụy Điển	Công ty liên kết	Phải thu tiền gốc vay	8.504.060.306	8.504.060.306
Các cán bộ quản lý chủ chốt	Các cán bộ quản lý chủ chốt	Tạm ứng	1.296.805.979	1.936.940.725
TỔNG CỘNG			52.700.854.860	10.441.001.031

(*) Đây là khoản chi hộ tiền hỗ trợ phân bón cho các hộ nông dân trồng mía vụ 2022/2023 và sẽ được Hiệp hội mía đường Lam Sơn hoàn trả trước tháng 2 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số 14.2)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông	Trả trước tiền mua đường	-	5.933.176
TỔNG CỘNG			-	5.933.176
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 17)				
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Bên liên quan khác	Tiền thưởng do vượt kế hoạch lợi nhuận	-	9.954.946.150
TỔNG CỘNG			-	9.954.946.150
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 18)				
Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	Vay ngắn hạn (*)	10.500.000.000	13.500.000.000
TỔNG CỘNG			10.500.000.000	13.500.000.000
(*) Đây là khoản vay tín chấp có gốc vay đáo hạn từ 1 đến 12 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất của các khoản vay này là 9%/năm và được thanh toán tại thời điểm đáo hạn hợp đồng.				
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (Thuyết minh số 23)				
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Thăng Long Hà Nội	Cổ đông	Đường thành phẩm, mật rỉ	37.943.950.000	81.621.000.000
TỔNG CỘNG			37.943.950.000	81.621.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát:

Đơn vị tính: VND

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Lê Văn Tân	Chủ tịch HĐQT	1.144.238.224	971.363.609
Ông Lê Văn Tam	Chủ tịch HĐQT (đến ngày 6 tháng 11 năm 2021)	-	1.076.036.142
Ông Lê Trung Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	816.373.077	691.276.520
Bà Lê Thị Huệ	Ủy viên HĐQT	638.706.115	599.191.263
Ông Phùng Thanh Hải	Ủy viên HĐQT	122.000.000	121.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tân	Ủy viên HĐQT	120.000.000	135.000.000
Ông Lê Văn Phương	Tổng Giám đốc	631.909.103	465.894.758
Ông Nguyễn Duy Thành	Phó Tổng Giám đốc	490.757.247	427.795.968
Ông Lê Bá Chiề	Phó Tổng Giám đốc	509.936.885	425.914.197
Ông Lê Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc	452.232.329	412.061.834
Ông Phạm Ngọc Quý	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 20 tháng 9 năm 2022)	-	167.225.228
Ông Nguyễn Xuân Lam	Phó Tổng Giám đốc	471.161.922	422.648.040
Ông Lê Huy Hùng	Trưởng ban kiểm soát	467.936.808	409.918.417
Ông Trịnh Đình Toán	Thành viên ban kiểm soát	344.081.769	306.285.148
Ông Nguyễn Thành Tâm	Thành viên ban kiểm soát	282.869.923	255.022.279
TỔNG CỘNG		6.492.203.402	6.886.633.403

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.603.385.981	44.499.284.446
Điều chỉnh giảm do chi trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (*)	-	(4.255.331.014)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	29.603.385.981	40.243.953.432
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	29.603.385.981	40.243.953.432
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	74.547.993	73.083.791
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	74.547.993	73.083.791
Lãi trên cổ phiếu		
- <i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</i>	397	551
- <i>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</i>	397	551

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản trích quỹ Khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 căn cứ theo Nghị quyết số 338NQ/2022/ĐLS-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 11 tháng 11 năm 2022.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 chưa được điều chỉnh giảm do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

(**) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng trong năm.

Ngoài ra, không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào khác xảy ra từ ngày kết thúc năm kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp. Doanh thu các sản phẩm, dịch vụ nông nghiệp chiếm tỷ trọng 100% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các công ty con được thực hiện chủ yếu trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty và các công ty con không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có cam kết khoảng 30 tỷ VND từ các hợp đồng mua máy móc thiết bị, vật liệu phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con.



Người lập
Nguyễn Thị Tú



Kế toán trưởng
Đỗ Thị Thanh Hà



Tổng Giám đốc
Lê Văn Phương



Thanh Hóa, Việt Nam

Ngày 28 tháng 9 năm 2023

Kính gửi:

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HCM

Căn cứ Báo cáo tài chính cho niên độ 2022/2023 kết thúc ngày 30/06/2023 của Công ty CP mía đường Lam Sơn đã được kiểm toán và được công bố trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần mía đường Lam Sơn giải trình biến động kết quả kinh doanh trong Báo cáo tài chính niên độ từ 01/07/2022-30/06/2023 như sau:

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI BCTC RIÊNG**1. Kết quả trước và sau kiểm toán tại 30/06/2023:****ĐVT: Triệu đồng**

TT	Chỉ tiêu	Trước kiểm toán	Sau kiểm toán	Chênh lệch %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.541.725	1.541.725	-
2	Giá vốn hàng bán	1.406.582	1.406.582	-
3	Chi phí khác	425	928	118,41
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	29.865	29.362	(1,69)
5	Thuế TNDN	5.417	6.220	14,83
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	24.448	23.141	(5,35)

Nguyên nhân:

- Chi phí khác tăng 1,69% do bổ sung chi phí khác.
- Thuế TNDN tăng 14,84% do điều chỉnh các khoản khi phí không được trừ khi tính thuế TNDN.

2. Kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm trước:**ĐVT: Triệu đồng**

TT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch %
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.541.725	1.950.294	(20,95)
2	Giá vốn hàng bán	1.406.582	1.741.664	(19,24)
3	Chi phí tài chính	24.304	56.828	(57,23)
4	Chi phí bán hàng	47.227	64.677	(26,98)
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.703	38.896	4,65
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	23.141	42.553	(45,62)

Nguyên nhân:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm nay giảm 20,95% so với cùng kỳ đồng thời giá vốn hàng bán giảm 19,24%, chi phí tài chính giảm 57,23%, chi phí quản lý tăng 4,65% so với năm trước, dẫn đến lợi nhuận sau thuế giảm 45,62% so với cùng kỳ năm trước.

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI BCTC HỢP NHẤT

1. Kết quả trước và sau kiểm toán tại 30/06/2023

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán	Chênh lệch (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.807.631	1.807.752	(0,0)
2	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.627.320	1.641.032	(0,8)
3	Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	180.311	166.720	8,2
4	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	30.129	22.046	36,7

Nguyên nhân:

Chỉ tiêu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sau kiểm toán gần như không thay đổi so với báo cáo công ty tự lập; Tuy nhiên, việc tính toán lại chỉ tiêu lợi nhuận chưa thực hiện tại 30/06/2023 làm cho Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giảm 0,8%. Dẫn đến Lợi nhuận gộp tăng 8,2%; Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng 36,7%

2. Kết quả hoạt động kinh doanh so với cùng kỳ năm trước:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.807.631	2.041.008	(11,4)
2	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.627.320	1.829.966	(11,1)
3	Chi phí tài chính	30.739	28.535	7,7
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	25.381	20.419	24,3
4	Chi phí bán hàng	55.602	73.643	(24,5)
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	61.275	60.779	0,8
6	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN	30.129	44.673	(32,6)

304633
ÔNG T
PH
ĐƯỜ
M S
N T. TH

Nguyên nhân:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2022/2023 giảm 11,4% so với cùng kỳ năm trước; trong khi giá vốn hàng bán chỉ giảm 11,1% đã làm cho Lợi nhuận gộp giảm 14,6% so với cùng kỳ năm trước.

Năm tài chính 2022/2023 lãi suất cho vay các ngân hàng đồng loạt tăng cao, chi phí lãi vay tăng 24,5% làm cho chi phí tài chính tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu giảm, chi phí bán hàng giảm 24,5% so với cùng kỳ. Chi phí quản lý tăng nhẹ 0,8%. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022/2023 giảm 32,6% so với năm trước.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT, P.TCKT



Lê Văn Phương

